

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MỤC LỤC

	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	6
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gò Đàng (“Công ty”/”Công ty mẹ”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gò Đàng đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên
Ông Trần Xuyên Giáo	Thành viên
Ông Trương Thành Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên
Bà Trương Thị Thúy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giáo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gò Đàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Nhóm Công ty trong từng năm tài chính. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Đạo


Ngày 17 tháng 7 năm 2010

Số: 100/CA&A-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Gò Vấp

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Gò Vấp (“Công ty”) và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, được lập ngày 17 tháng 7 năm 2010, từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Do là năm đầu tiên báo cáo tài chính bán niên của Công ty được soát xét. Do đó số liệu so sánh báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 là số liệu chưa được soát xét.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A
Tp. HCM, ngày 17 tháng 7 năm 2010



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		237.494.203.129	195.810.161.143
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	12.413.234.029	20.395.952.196
1. Tiền	111		12.413.234.029	7.995.952.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.400.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	4.562.721.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.006.799.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(444.078.000)	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.03	99.169.815.659	85.984.117.378
1. Phải thu khách hàng	131		59.634.952.979	74.204.725.052
2. Trả trước cho người bán	132		23.819.273.785	3.491.447.654
3. Các khoản phải thu khác	138		17.391.581.364	8.287.944.672
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.675.992.469)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	110.893.752.023	81.945.953.683
1. Hàng tồn kho	141		110.893.752.023	82.227.191.283
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(281.237.600)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		10.454.680.417	7.484.137.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.192.264.937	577.055.283
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.747.513.125	5.589.510.921
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.514.902.355	1.317.571.682
B. Tài sản dài hạn	200		111.531.232.317	109.025.104.012
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		106.390.538.067	105.863.027.527
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	88.457.193.389	92.028.876.384
- Nguyên giá	222		119.347.370.985	117.842.933.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.890.177.596)	(25.814.057.560)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	12.665.566.422	8.704.490.075
- Nguyên giá	228		13.645.510.910	9.333.550.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(979.944.488)	(629.060.835)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	5.267.778.256	5.129.661.067
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.703.701.477	2.695.950.861
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	4.703.701.477	2.695.950.861
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.10	436.992.773	466.125.624
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		349.025.435.446	304.835.265.156



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	300		207.591.246.408	177.264.612.659
I. Nợ ngắn hạn	310		193.432.246.408	163.105.612.659
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	140.036.261.261	119.519.930.068
2. Phải trả cho người bán	312		39.090.891.224	28.065.195.044
3. Người mua trả tiền trước	313		565.602.773	1.493.375.489
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.12	499.174.142	312.326.514
5. Phải trả công nhân viên	315		2.592.861.947	2.239.209.234
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	9.249.814.291	10.969.788.676
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.397.640.770	505.787.635
II. Nợ dài hạn	320		14.159.000.000	14.159.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.14	14.159.000.000	14.159.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.15	141.434.189.038	127.570.652.497
I. Vốn chủ sở hữu	410		141.434.189.038	127.570.652.497
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.306.550.000	31.306.550.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.979.998.832	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.728.367.679	3.616.734.255
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.419.272.527	12.647.368.242
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		349.025.435.446	304.835.265.156

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2010	31/12/2009
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - USD	220,964.55	119,287.57
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - EUR	2,213.85	4,127.38
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-


 NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
 Kế toán trưởng
 Ngày 17 tháng 7 năm 2010




 NGUYỄN VĂN ĐẠO
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		238.430.856.751	214.522.908.378
2. Các khoản giảm trừ	03		2.901.895.690	2.188.590.593
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	235.528.961.061	212.334.317.785
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	187.042.450.650	187.492.844.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.486.510.411	24.841.472.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.085.322.078	1.988.958.710
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6.161.719.953	5.205.264.996
- Trong đó: lãi vay	23		4.405.048.230	4.073.595.026
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	18.156.016.920	13.484.961.070
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	10.500.852.386	4.899.025.822
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		16.753.243.230	3.241.179.690
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.167.435.038	1.116.702.172
12. Chi phí khác	32	VI.08	2.702.240.385	1.435.417
13. Lợi nhuận khác	40		(1.534.805.347)	1.115.266.755
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		15.218.437.883	4.356.446.445
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59		15.218.437.883	4.356.446.445
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		15.218.437.883	4.356.446.445
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.902	545

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 7 năm 2010



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	01	15.218.437.883
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	5.427.003.689
Các khoản dự phòng	03	1.838.832.869
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.979.998.832
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(52.000.000)
Chi phí lãi vay	06	4.405.048.230
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	28.817.321.503
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(17.217.023.627)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(28.666.560.740)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	6.475.402.382
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.622.960.270)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.405.048.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.618.868.982)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5.954.514.230)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.006.799.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	29.132.852
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.880.180.378)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	299.259.108.376
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(278.742.777.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.516.331.194
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	(7.982.718.167)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60	20.395.952.196
Tiền tồn cuối kỳ	70	12.413.234.029

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
 Kế toán trưởng
 Ngày 17 tháng 7 năm 2010




NGUYỄN VĂN ĐẠO
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Thông tin doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là thu mua thủy sản; chế biến thủy sản; nuôi trồng thủy sản; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; đầu tư tài chính; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

3 Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4 Các công ty con

Công ty có 03 (ba) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

5 Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ lợi ích	% Quyền biểu quyết
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH XNK An Phát	Lô 25, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Chế biến hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Thu mua hàng thủy sản	100	100

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).
- Ngôn ngữ sử dụng trong kế toán: Tiếng Việt
- Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gò Đàng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

4. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (VND) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng hàng hoá tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hoá tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
Tài sản cố định khác	03 - 06 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

7. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

8. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

11. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Gò Đàng (Công ty mẹ) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi (năm 2006) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức (các Công ty con) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát có thu nhập chịu thuế. Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH TM Gò Đàng áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

13. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2010	01/01/2010
Tiền mặt	4.612.167.759	3.085.618.851
Tiền gửi ngân hàng	7.389.066.270	4.910.333.345
Các khoản tương đương tiền	-	12.400.000.000
Tiền đang chuyển	412.000.000	-
Cộng	12.413.234.029	20.395.952.196

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Đầu tư ngắn hạn	5.006.799.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(*) (444.078.000)	-
Cộng	4.562.721.000	-

(*) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	59.634.952.979	74.204.725.052
Trả trước cho người bán	23.819.273.785	3.491.447.654
Phải thu khác	(*) 17.391.581.364	8.287.944.672
Cộng	100.845.808.128	85.984.117.378
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.675.992.469)	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	99.169.815.659	85.984.117.378

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác:	30/6/2010	01/01/2010
Phải thu tiền hỗ trợ bù lỗ chứng khoán	647.850.266	-
Phải thu từ các cá nhân	10.000.000.000	-
Phải thu tiền hoàn thuế	153.105.787	1.722.219.128
Phải thu ứng trước tiền đất và thi công công trình	6.261.814.917	5.370.255.000
Phải thu khác	328.810.394	1.195.470.544
Cộng	17.391.581.364	8.287.944.672

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

4. Hàng tồn kho	30/6/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	1.160.939.635	293.992.302
Công cụ, dụng cụ trong kho	5.373.592.513	3.983.616.905
Chi phí sản xuất dở dang	43.350.731.135	29.862.567.889
Thành phẩm tồn kho	60.433.075.009	45.224.809.630
Hàng hóa tồn kho	575.413.731	2.862.204.557
Cộng	<u>110.893.752.023</u>	<u>82.227.191.283</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(281.237.600)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>110.893.752.023</u>	<u>81.945.953.683</u>

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Tạm ứng nhân viên	1.285.551.294	1.187.930.221
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	229.351.062	129.641.461
Cộng	<u>1.514.902.356</u>	<u>1.317.571.682</u>

6. Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: ngàn đồng					
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2010	38.832.989	70.262.578	6.440.678	808.803	1.497.886	117.842.934
Tăng	-	952.433	144.570	42.249	365.185	1.504.437
Giảm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2010	<u>38.832.989</u>	<u>71.215.011</u>	<u>6.585.248</u>	<u>851.052</u>	<u>1.863.071</u>	<u>119.347.371</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2010	12.314.224	11.223.854	973.407	396.686	905.887	25.814.058
Tăng	2.087.943	2.437.949	324.798	92.610	132.820	5.076.120
Giảm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2010	<u>14.402.167</u>	<u>13.661.803</u>	<u>1.298.205</u>	<u>489.296</u>	<u>1.038.707</u>	<u>30.890.178</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2009	26.518.764	59.038.725	5.467.271	412.117	591.999	92.028.876
Tại ngày 30/6/2010	<u>24.430.821</u>	<u>57.553.208</u>	<u>5.287.044</u>	<u>361.756</u>	<u>824.364</u>	<u>88.457.193</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2010	9.284.656.870	48.894.040	9.333.550.910
Tăng	4.311.960.000	-	4.311.960.000
Giảm	-	-	-
Tại ngày 30/6/2010	13.596.616.870	48.894.040	13.645.510.910
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2010	581.833.461	47.227.374	629.060.835
Tăng	349.216.987	1.666.666	350.883.653
Giảm	-	-	-
Tại ngày 30/6/2010	931.050.448	48.894.040	979.944.488
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2009	9.284.656.870	1.666.666	8.704.490.075
Tại ngày 30/6/2010	12.665.566.422	-	12.665.566.422

8. Xây dựng cơ bản dở dang

		30/6/2010	01/01/2010
Công trình khu nuôi cá		2.979.823.712	2.956.521.892
Mua sắm tài sản cố định	(*)	1.768.629.770	1.768.629.770
Các công trình khác		519.324.774	404.509.405
Cộng		5.267.778.256	5.129.661.067

(*) Bao gồm chi phí mua phần mềm quản lý là 579.768.010 đồng và chi phí mua 02 dàn lạnh cùng phụ kiện chất làm lạnh là 1.188.861.760 đồng. Hiện tại các tài sản này vẫn đang được vận hành thử. Công ty dự kiến hoàn tất quá trình chạy thử và kết chuyển sang TSCĐ trong năm 2010.

9. Chi phí trả trước dài hạn

		30/6/2010	01/01/2010
Tiền thuê đất	(*)	729.200.252	638.329.640
Chi phí sửa chữa nhà xưởng		769.970.824	934.964.578
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ		3.204.530.401	1.122.656.643
Cộng		4.703.701.477	2.695.950.861

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLD ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m2 đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047. Tổng giá trị tiền thuê là 50,000.00 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

10. Lợi thế thương mại	30/6/2010	01/01/2010
Lợi thế thương mại	436.992.773	466.125.624

Giá trị lợi thế thương mại được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm bắt đầu từ năm 2008.

11. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	137.576.261.261	114.599.930.068
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.460.000.000	4.920.000.000
Cộng	140.036.261.261	119.519.930.068

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: ngàn đồng

		Tại ngày 01/01/2010	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Tại ngày 30/6/2010
NH TMCP Xuất Nhập khẩu VN	11.1	53.737.464	182.186.780	(165.495.524)	70.428.720
NH TMCP Liên Việt	11.2	27.494.440	50.948.283	(52.726.367)	25.716.356
NH Ngoại Thương VN	11.3	10.000.000	10.000.000	(14.000.000)	6.000.000
NH Công Thương VN - CN 8	11.4	9.380.729	32.005.912	(28.565.324)	12.821.318
NH HSBC	11.5	-	6.000.000	-	6.000.000
Công ty Chứng khoán VIS	11.6	-	18.118.134	(15.495.562)	2.622.571
Vay cá nhân khác	11.7	13.987.297	-	-	13.987.297
Cộng		114.599.930	299.259.108	(276.282.777)	137.576.261

(11.1) Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình với lãi suất dao động từ 3,9%/năm - 5%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2010 là 3,604,301.48 USD và 152,822.00 USD tương đương 70.428.720 ngàn đồng.

(11.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 378-09/HĐTD-HCM ngày 08/9/2009; hạn mức vay: 50 tỷ đồng; ngày đáo hạn: 08/9/2010; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; lãi suất vay 10%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 30/06/2010 là 25.716.356 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Giồng Rôm, tỉnh Bến Tre; quyền thuê đất cùng với nhà xưởng tại Lô 45 KCN Mỹ Tho - Tiền Giang và máy móc thiết bị kho lạnh.

- Một phần giá trị tài sản là nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát.

- Hàng hóa tồn kho thành phẩm trong quá trình luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng là: cá tra fillet thành phẩm; nghêu, sò lông, tôm, mực thành phẩm.

(11.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/CV/0063/TD2/09LD ngày 13/7/2009. Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng; lãi suất vay 12%/năm; ngày đáo hạn: 13/7/2010. Số dư tại ngày 30/06/2010 là 06 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(11.4) Vay từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN 8 TP.HCM, bao gồm:

+ Vay chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu với số tiền là 367,845.00 USD tương đương 6.821.317.680 đồng.

+ Vay theo hợp đồng tín dụng số 0064/2010/HDHM ngày 10/3/2010; mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất: 12%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2010 là 6.000.000.000 đồng. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0032/2010/HĐTC ngày 23/3/2010 và 0033/2010/HĐTC ngày 23/3/2010 giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN 8 TP. HCM (bên nhận thế chấp) và Ông Lê Sơn Tùng, cùng Bà Lê Thị Liêm (bên thế chấp hợp đồng 0033); Ông Nguyễn Văn Đạo, cùng Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc (bên thế chấp hợp đồng 0032). Chi tiết tài sản đảm bảo:

- Căn nhà số 506/15/4 Đường 3/2, phường 14, quận 10, TP.HCM;

- Căn nhà số 251/13 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, TP.HCM;

(11.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số VNM CDT 090928 ngày 16/3/2010. Số tiền vay: 20 tỷ đồng; ngày đáo hạn: 16/3/2011; lãi suất vay 12%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 30/06/2010 là 06 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(11.6) Khoản vay thấu chi phục vụ cho mục đích kinh doanh chứng khoán từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế (VIS).

(11.7) Vay ngắn hạn từ cá nhân Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc theo 02 hợp đồng vay ký ngày 01/01/2009 với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Số dư nợ vay vào ngày 30/06/2010 là 13.487.297 ngàn đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. Thuế và các khoản phải nộp

	30/6/2010	01/01/2010
Thuế GTGT	468.965.966	286.217.214
Thuế xuất nhập khẩu phải nộp	30.208.176	-
Thuế TNDN phải nộp	-	26.109.300
Cộng	499.174.142	312.326.514

13. Phải trả khác

	30/6/2010	01/01/2010
BHXH, BHYT, BHTN	273.280.355	169.863.397
Tiền vay mượn các cá nhân và tổ chức không lãi suất	5.533.010.800	7.354.436.400
Tiền nhận cọc mua phế phẩm, phế liệu, thuê nhà xưởng	3.288.500.000	3.328.500.000
Các khoản phải trả khác	155.023.136	116.988.879
Cộng	9.249.814.291	10.969.788.676

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

14. Vay và nợ dài hạn	30/6/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	16.619.000.000	19.079.000.000
Cộng	16.619.000.000	19.079.000.000
Trừ các khoản vay dài hạn đến hạn trả	(2.460.000.000)	(4.920.000.000)
Tổng cộng	14.159.000.000	14.159.000.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Tại ngày 01/01/2010	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Tại ngày 30/6/2010
Ngân hàng TMCP Liên Việt	19.079.000	-	(2.460.000)	16.619.000

Vay từ ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 377-09/HĐTD-HCM ngày 09/9/2009; số tiền vay: 20,309 tỷ; ngày đáo hạn: 05/10/2013; mục đích vay: Tài trợ khoản vay trung hạn xây kho lạnh cho thuê và khoản vay dài hạn xây dựng nhà xưởng sản xuất theo HĐTD số 07.0061/HĐDH ngày 05/4/2007 và HĐTD số 07.0150/HĐTH ngày 12/11/2007 ký giữa Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Ngân hàng Công thương Chi nhánh 8; lãi suất: 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Nhà xưởng chế biến thủy sản của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát tại lô 25 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang.
- Kho lạnh 3.000 tấn và hệ thống thiết bị lạnh của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:	30/6/2010	01/01/2010
Trong vòng một năm	2.460.000.000	4.920.000.000
Trong năm thứ hai	4.920.000.000	4.920.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.239.000.000	9.239.000.000
Cộng	16.619.000.000	19.079.000.000
Trừ số phải trả trong năm 2010	(2.460.000.000)	(4.920.000.000)
Số còn phải trả	14.159.000.000	14.159.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành 8.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Tại ngày 30/6/2010, các cổ đông đăng ký và góp vốn thực tế như sau:

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn thực góp	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	500.000	5.000.000.000	1.734.160	17.341.600.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Lê Sơn Tùng	600.000	6.000.000.000	1.008.101	10.081.010.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	-	-	1.101.188	11.011.880.000
Lê Thị Liêm	-	-	801.088	8.010.880.000
Cổ đông khác	6.400.000	64.000.000.000	1.721.303	17.213.030.000
Cộng	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/6/2010
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.306.550.000	-	-	31.306.550.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.979.998.832	-	1.979.998.832
Quỹ đầu tư phát triển	3.616.734.255	1.111.633.424	-	4.728.367.679
Lợi nhuận chưa phân phối	12.647.368.242	15.218.437.883	(4.446.533.696)	23.419.272.527
Cộng	16.264.102.497	18.310.070.139	(4.446.533.696)	141.434.189.038

Vào ngày 07/01/2010, Công ty đã niêm yết 8.000.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 177/QĐ-SDGHCM ngày 28/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

Trích quỹ đầu tư phát triển	(1.111.633.424)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.334.900.272)
Cộng	(4.446.533.696)

Từ ngày 01/01/2010
 đến ngày 30/6/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

<i>b - Cổ phiếu</i>	30/6/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	10.090
- Cổ phiếu phổ thông	-	10.090
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	7.989.910
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	7.989.910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần

Phân loại theo tính chất

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	221.112.224.487	201.756.332.545
Doanh thu bán hàng - Trong nước	12.971.059.864	9.254.482.253
Doanh thu khác	4.347.572.400	3.512.093.580
Cộng	238.430.856.751	214.522.908.378
Trừ		
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	(2.901.895.690)	(2.188.590.593)
Cộng doanh thu thuần	235.528.961.061	212.334.317.785

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	190.868.149.060	165.530.072.986
Công ty TNHH TM Gò Đàng	59.074.055.057	68.268.144.602
Công ty TNHH XNK TS An Phát	37.117.005.490	24.848.836.750
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	2.785.598.000	2.974.524.925
Trừ: Doanh thu bán hàng nội bộ	(54.315.846.546)	(49.287.261.478)
Cộng doanh thu thuần	235.528.961.061	212.334.317.785

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

2. Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Giá vốn hàng bán	187.323.688.250	187.492.844.917
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(281.237.600)	-
Cộng	187.042.450.650	187.492.844.917

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	163.531.890.210	154.602.527.628
Công ty TNHH TM Gò Đàng	52.470.241.674	61.465.890.352
Công ty TNHH XNK TS An Phát	15.438.819.812	12.933.112.085
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	2.717.345.500	2.738.576.330
Trừ: Giá vốn hàng bán nội bộ	(47.115.846.546)	(44.247.261.478)
Cộng	187.042.450.650	187.492.844.917

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Phân loại theo tính chất

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Lãi tiền gửi	268.805.681	91.950.622
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.719.063.648	1.889.375.379
Cổ tức được chia	52.000.000	-
Thu nhập tài chính khác	45.452.749	7.632.709
Cộng	3.085.322.078	1.988.958.710

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	17.127.391.682	4.273.475.744
Công ty TNHH TM Gò Đàng	712.953.288	575.114.583
Công ty TNHH XNK TS An Phát	244.856.298	70.384.364
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	120.810	69.984.019
Trừ: Doanh thu hoạt động tài chính	(15.000.000.000)	(3.000.000.000)
Cộng	3.085.322.078	1.988.958.710

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

4. Chi phí hoạt động tài chính

Phân loại theo tính chất

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Chi phí lãi vay	4.405.048.230	4.073.595.026
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	444.078.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	554.140.741	1.131.669.970
Lỗ kinh doanh chứng khoán	758.452.982	-
Cộng	6.161.719.953	5.205.264.996

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	3.840.259.351	2.831.780.182
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.051.838.801	1.091.173.378
Công ty TNHH XNK TS An Phát	1.269.621.801	1.258.268.001
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	-	24.043.435
Cộng	6.161.719.953	5.205.264.996

5. Chi phí bán hàng

Phân loại theo tính chất

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Chi phí vật liệu, bao bì	1.703.052.920	1.230.344.452
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	14.731.743.319	10.492.570.638
Chi hoa hồng môi giới	498.535.665	834.757.252
Chi phí bằng tiền khác	1.222.685.016	927.288.728
Cộng	18.156.016.920	13.484.961.070

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	12.409.921.219	7.637.279.857
Công ty TNHH TM Gò Đàng	5.746.095.701	5.679.397.671
Công ty TNHH XNK TS An Phát	-	-
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	-	168.283.542
Cộng	18.156.016.920	13.484.961.070

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phân loại theo tính chất

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Chi phí nhân viên quản lý	4.755.923.335	1.786.005.888
Chi phí công cụ dụng cụ	519.317.045	491.320.994
Chi phí khấu hao TSCĐ	916.530.485	427.291.750
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.675.992.469	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	577.707.959	1.524.031.104
Lợi thế thương mại	29.132.852	29.132.852
Chi phí bằng tiền khác	2.026.248.242	641.243.234
Cộng	10.500.852.387	4.899.025.822

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	16.396.101.018	8.161.465.642
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.188.321.440	1.110.699.738
Công ty TNHH XNK TS An Phát	170.420.411	606.151.692
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	210.000	31.575.898
Trừ: Lợi thế thương mại	29.132.852	29.132.852
Trừ: Chi phí quản lý doanh nghiệp nội bộ	(7.283.333.334)	(5.040.000.000)
Cộng	10.500.852.387	4.899.025.822

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Thu nhập từ bán phế liệu	211.922.009	241.749.891
Thu hỗ trợ tiền bù lỗ	647.850.266	
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	307.662.763	874.952.281
Cộng	1.167.435.038	1.116.702.172

8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
Các khoản chi phí khác	2.702.240.385	1.435.417

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.218.437.883	4.356.446.445
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.902</u>	<u>545</u>

VIII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
Cho vay	
Ông Lê Quang Tuấn - P.Chủ tịch HĐQT	<u>10.000.000.000</u>
Nhận hỗ trợ bù lỗ chứng khoán	
Ông Lê Quang Tuấn - P.Chủ tịch HĐQT	<u>647.850.266</u>
Số dư các khoản công nợ đối với các Bên liên quan chủ yếu sau:	30/6/2010
Phải thu khác	
Ông Lê Quang Tuấn - P.Chủ tịch HĐQT	<u>10.647.850.266</u>
Phải trả nợ vay	
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Cổ đông	<u>13.987.297.000</u>

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
 Kế toán trưởng
 Ngày 17 tháng 7 năm 2010



NGUYỄN VĂN ĐẠO
 Tổng Giám đốc